

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 30-6-2020  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Yến Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Xuân Miện
2. Ông Nguyễn Đắc Liệt

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1178/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị Út M, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Số 379/5 đường N, phường 10, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

***2. Bị đơn:*** Ông Nguyễn Bửu D, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số 232/12/12 đường B, phường 8, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa:*

Bà Lê Thị Út M và ông Nguyễn Bửu D tự nguyện chung sống vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn đến ngày 01-03-2011

mới đăng ký kết hôn tại UBND phường 2, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu đã mâu thuẫn nhưng khắc phục được và sinh được 1 con là cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 09-10-2010, sau khi có con thì mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, ông D thường xuyên hành hung dã man, nhốt bà trong phòng không cho tiếp xúc với bên ngoài hoặc bất cứ ai, nghiêm cấm không cho bà đi lại trước cửa nhà, không cho sử dụng điện thoại nếu trái lời sẽ bị đánh đập. Không chịu đựng được vì mất hết tự do cá nhân nên từ năm 2012 bà M bỏ đi vợ chồng sống ly thân không còn liên lạc với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 09-10-2010, theo nguyện vọng của con, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Bửu D:*

Tòa án tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông D vẫn vắng mặt nên Tòa án không thu thập ý kiến trình bày của ông D. Theo xác nhận của Công an phường 2, thành phố V hiện nay ông D không có đăng ký hộ khẩu thường trú tại hẻm 30 đường S, phường 2, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tuy nhiên hiện nay ông D đang sinh sống cùng với chị gái tại số 232/12/12 đường B, phường 8, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm:*

*Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48, Điều 49, Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí nguyên đơn phải nộp theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục, thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có nơi cư trú tại thành phố V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

*[2] Về nội dung:*

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông D tự nguyện chung sống vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn, ngày 09-10-2010 ông bà sinh cháu Nguyễn Duy A, đến ngày 01-03-2011 mới đăng ký kết hôn được UBND phường 2, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22/2011, quyển số 01/2011.

Quá trình chung sống giữa hai ông bà không hạnh phúc do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, bà M cho rằng ông D có tính vũ phu thường xuyên dùng vũ lực với bà, thậm chí còn giam bà trong phòng không cho tiếp xúc với bên ngoài, không cho sử dụng điện thoại dẫn đến vợ chồng tự sống ly thân từ năm 2012 không còn quan tâm lẫn nhau. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà M, ông D đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, không có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Vì vậy yêu cầu của bà M xin ly hôn là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 09-10-2010, theo nguyện vọng của cháu A yêu cầu sống với mẹ, bà M yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét việc bà M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên công nhận.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí : Do bà M là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông D không phải chịu án phí.

[4]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Út M đối với ông Nguyễn Bửu D về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Út M được ly hôn với ông Nguyễn Bửu D.

2. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày ngày 09-10-2010. Bà Lê Thị Út M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Công nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Út M về việc không yêu cầu ông Nguyễn Bửu D cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Bửu D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Út M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Út M phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003035 ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Như vậy, bà Lê Thị Út M đã nộp xong án phí. Ông Nguyễn Bửu D không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Út M và ông Nguyễn Bửu D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THA Dân sự TP Vũng Tàu;
- UBND phường 2, thành phố V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Phan Thị Yến Oanh**

